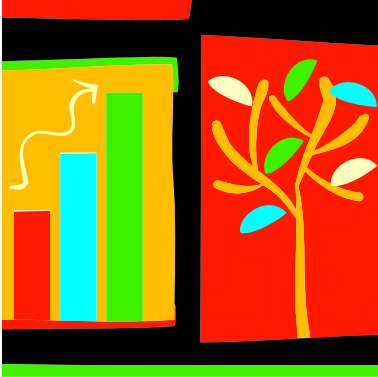


Nguyễn Duy Chính

MINH GIÁO



Hình như ai trong chúng ta khi đọc Ý Thiên Đồ Long Ký của Kim Dung (được Tiền Phong Từ Khánh Phụng dịch ra Việt ngữ dưới nhan đề “Cô gái Đồ Long”) đều tự hỏi Minh giáo có thực hay không, những bang phái, giáo hội đã sinh hoạt và ảnh hưởng thế nào trong xã hội. Theo bộ tiểu thuyết kiếm hiệp này, Minh giáo là một tôn giáo được tổ chức chặt chẽ và qui mô, đứng đầu phe tà và đã từng nhiều lần đụng độ với phe chính phái. Sự xuất hiện của họ thật kỳ bí và như một tấm màn dần dần vén lên, mỗi lúc lại cho chúng ta biết thêm một số chi tiết về hoạt động, về tổ chức cũng như về giáo qui của họ. Trong sử sách, Minh giáo cũng được nhắc đến, tuy không phong phú như những tôn giáo khác, nhưng cũng đại biểu cho một hệ thống tư tưởng, cái hệ thống nhị nguyên không những phổ biến trong nhiều cơ sở triết học của thế giới, mà lại cũng dễ dàng được quần chúng chấp nhận hơn vì phân biệt trắng đen, thiện ác, có những tiêu chuẩn nhất định không mơ hồ như hệ thống nhất nguyên. Nhìn theo quan điểm xã hội, hệ thống tư tưởng của Minh giáo lại tương đồng với Tây phương và trong một thời gian khá dài, những cơ sở đó tranh huy với những tôn giáo khác, tuy trên bình diện triết học không áo diệu bằng Phật học hay Lão học, nhưng về phương diện tổ chức, Minh giáo có tính quần chúng hơn và phát triển cũng có qui củ hơn.

Chỉ về sau này, khi Nho giáo được đưa lên thành hệ thống học thuật làm thước đo cho khả năng của kẻ sĩ, đẩy lùi các tôn giáo khác ra khỏi quan trường, Minh giáo mới suy yếu và dần dần biến mất. Trong phạm vi bài này, chúng tôi sẽ đối chiếu những chi tiết mà Kim Dung đưa ra trong bộ Ý Thiên Đồ Long Ký với Minh giáo trong sách vở để nhìn lại một vấn đề luôn luôn hiện hữu trong suốt lịch sử Trung Hoa: vai trò của tôn giáo trong các cuộc nổi dậy.

Minh Giáo: Bái Hỏa giáo hay Mani Giáo?

Khi nói tới Ba Tư (tức Iran ngày nay), chúng ta vẫn hình dung đó là một xứ mà mình vẫn gọi là “nghìn lẻ một đêm” với những truyện thần kỳ thật phong phú. Có lẽ ít ai biết rằng ở vào những thế kỷ đầu Công Nguyên, khu vực Trung Đông cũng đã có nhiều giao tiếp với Trung Hoa trên nhiều mặt, và tôn giáo chính của họ khi đó cũng khác hẳn với thế giới Muslim chúng ta thấy ngày nay. Đã có những triều đại thân cận với nước Tàu đến nỗi khi họ bị xâm chiếm, họ chạy qua cầu cứu và nhờ viện binh để quay về “phục quốc”, chẳng khác gì những Lê Chiêu Thống, Trần Thiêm Bình ở nước ta. Đời nhà Đường, vì gốc tích của họ cũng mang giòng máu ngoại vực, việc trao đổi văn hóa giữa các dân tộc vùng Trung Đông và Hán tộc cũng được dễ dàng. Sự phát triển và thịnh trị của thời kỳ này cũng nhờ vào chính sách tương đối khai phóng thuở ấy. Không những khoa học, kỹ thuật, các loại sản phẩm công nghiệp được trao đổi, mà tôn giáo cũng từ bên ngoài du nhập vào Trung thổ rất nhiều.

Thời kỳ đó, phía Tây Trung Hoa có một dân tộc tương đối phát triển là Thổ Phồn, tổ tiên của dân tộc Tây Tạng ngày nay, là một chi lưu của người Khương. Khi vua Đường Thái Tông lên ngôi (626 Tây Lịch), vua nước Thổ Phồn là Tùng Tán Hãn Bố giao hiếu với Trung Hoa, được vua nhà Đường gả

Văn Thành Công Chúa cho (641 TL). Sử sách chép rằng Công Chúa mang theo một đoàn tùy tùng rất lớn đến hơn năm ngàn năm trăm người, lại không biết bao nhiêu là sản vật, gia súc, tư trang, hàng hóa. Từ đó những vương tôn công tử nước Thổ Phồn sang Trường An du học mở đầu cho một thời kỳ giao lưu văn hóa giữa Trung thổ và các nước phía Tây. Chính thời này, các phát kiến của Trung Hoa như chế tạo nông cụ, dệt vải, nuôi tằm, xây cất, làm giấy, đồ gốm, luyện kim, lịch toán, y học... truyền ra bên ngoài và ngược lại nhiều kỹ thuật từ các nước Trung Đông cũng truyền vào nước Tàu. (Dư Tử Lự, Nguồn Gốc Con Rồng – Long Địch Căn, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Hongkong 1985, tr. 176)

Về tôn giáo, việc truyền bá từ bên ngoài vào Trung Hoa đã có từ lâu. Ngay thời Nam Bắc Triều, một tôn giáo từ Ba Tư có tên là Bái Hỏa Giáo (Zoroastrianism) được truyền vào Trung Quốc. Tôn giáo này do một người Ba Tư tên là Zarathushtra – nguyên nghĩa là con lạc đà già – thành lập từ thế kỷ thứ 6 trước Công Nguyên tại Đại Hạ (nay ở biên giới A Phú Hãn). Người ta gọi họ là Majus hay Mazdeans. Giáo đồ của tôn giáo này lấy kinh của Ba Tư là A Duy Tư Đà (Avesta Gatha)[1] làm kinh điển, chủ trương phân ra làm hai bên thiện ác, nhị nguyên. Theo họ, việc gì quang minh, lửa, thanh tịnh, sáng tạo, sự sống thuộc về thiện đoan. Còn hắc ám, ác, dơ bẩn, phá hoại, chết thuộc về ác đoan. Con người được tự do chọn lựa để làm điều thiện hay điều ác. Khi chết đi sẽ được Thượng đế (tức Ahura Mazda) phán xét, ai qua được thì lên thiên đường, người nào không qua thì xuống địa ngục. Vì thế khi còn sống mọi người phải làm lành, lánh dữ, bỏ chỗ tối mà tìm chỗ sáng. Châm ngôn đạo đức của họ là nghĩ điều lành, nói điều lành, làm điều lành. Họ có một nghi thức riêng để lễ “thánh hỏa” dưới quyền chủ tế của một “majus”. Tôn giáo này có thời là quốc giáo của Ba Tư trong triều đại Sasanian.

Đạo Bái Hỏa truyền vào bắc Trung Hoa từ năm 516-9 theo phái đoàn của người Ba Tư. Đến đời Tùy, họ được thành lập ở Trường An những khu vực riêng để hành đạo. Ngoài việc trao đổi các sứ thần giữa hai bên, các thương nhân Ba Tư cũng sang Trung Hoa buôn bán. Hiện nay, tại Quảng Châu, Tuyên Châu, Dương Châu và Trường An, Lạc Dương vẫn còn nhiều dấu tích của người Ba Tư thời đó.

Năm 621, tiên từ (shrine) đầu tiên được xây dựng cho người “hồ” ở kinh đô và đến năm 631 thì một tu sĩ (Magi) được vào làm quan trong triều. Đến năm 652, khi người Muslim từ Ả Rập (Islam) sang xâm chiếm Ba Tư, họ bị đánh đuổi, một phần chạy sang phía tây nước Ấn (nay còn lại ở Bombay được gọi là Parsees có nghĩa là người Persian) nhưng một số lớn chạy sang Trung Hoa, khi đó vào đời nhà Đường. Vua cuối cùng của triều đại Sasanian là Yazdegird đệ tam (Yazdagard III) cầu viện vua Đường Thái Tông để đem quân khôi phục đất nước. Tuy nhiên, nhà Đường từ chối và họ đành phải sống lưu vong với dân chúng vùng Tân Cương ở Trung Á nhưng lại bị thổ dân phản bội. Gần đây, khi khai quật một số địa điểm vùng Tây An, người ta đã tìm thấy một số tiền làm bằng bạc của Ba Tư thời kỳ này, nhiều mặt chỉ bằng cả hai thứ tiếng Ba Tư và chữ Hán. (Dư Tử Lữ, tr. 183)

Nhà Đường tiếp tục bảo vệ con của Yazdegird là Peroz (Firuz) và cho phép họ được xây cất đền thờ và tiếp tục hành đạo. Peroz vẫn được công nhận là vua nước Ba Tư và được phong một chức võ quan tại triều. Ông ta chết ở Trường An và con là Narseh được tập tước vương. Narseh cố gắng đem quân Tàu về lấy lại nước nhưng thất bại và những người thuộc triều đại Sasanian định cư tại Trung Hoa trong khoảng 200 năm. Một số tiểu quốc được hình thành nằm giữa biên giới Ba Tư và Trung Hoa không theo đạo Hồi, độc lập đã tồn tại trong nhiều năm và nhiều phái bộ, sứ thần đã đến kinh đô nhà Đường trong khoảng từ 713 đến 755 sau TL. Những cư dân của

các tiểu quốc này trở thành những người buôn ngọc, phù thủy, thợ thủ công và thương nhân. Họ xây dựng bốn, năm tiên từ (thánh đường), tại Trường An, hai, ba tiên từ tại Lạc Dương, một tại Khai Phong và nhiều nơi khác như Dương Châu, Đôn Hoàng, Thái Nguyên ... Họ cũng di cư đến nhiều nơi khác, có người tới tận Hải Nam và vùng nước ta nhưng không biết rồi ra sao.

Đến năm 845, nhà Tống tiêu diệt các tôn giáo và bài xích tất cả các tôn giáo từ nước ngoài, nhất là đạo Phật và Bái Hỏa giáo cũng bị tiêu diệt. Vì họ coi lửa là đại biểu của quang minh (sáng sủa), nên việc thờ phụng “lửa thần” (thánh hỏa) là nghi lễ chính yếu. Người Trung Hoa gọi tôn giáo này dưới nhiều tên như tiên giáo, hỏa tiên giáo, bái hỏa giáo, Ba Tư giáo ... Bái hỏa giáo đến đời Nguyên hay Minh thì không còn ai biết đến. Theo sách vở, Bái hỏa giáo là một tôn giáo chỉ thu hẹp trong phạm vi chủng tộc và không chủ trương bành trướng hay chiêu dụ người ta theo đạo. Kinh điển của họ không được dịch sang tiếng Tàu và có lẽ người Tàu cũng không ai đổi qua theo đạo này. Tuy nhiên, họ cũng đem lại một số ảnh hưởng, vì đời Đường là triều đại mở cửa nên nhiều kỹ thuật mới được du nhập, nhiều sắc thái văn hóa được đón nhận trong sinh hoạt hàng ngày.

Một tôn giáo khác cũng truyền từ Ba Tư là Ma Ni giáo (tức Manichaeism, do Mani người Ba Tư sáng lập vào thế kỷ thứ 3 sau Công Nguyên). Ma Ni giáo kết hợp nhị nguyên luận của hỏa tiên giáo, đồng thời dung hợp nhiều tôn giáo trong đó có một số tư tưởng của Phật giáo và Ki tô giáo mà thành. Ma ni giáo được gọi là tôn giáo của ánh sáng (Religion of Light) và truyền vào Trung Hoa qua nhiều sự tích ly kỳ. Cho đến giờ phút này, người ta vẫn chưa rõ Mani là tên người hay là một cách xưng hô tôn quý. Nghĩa của chữ này cũng không rõ ràng, theo cổ ngữ Hi Lạp thì là skeuos và homilia, nhưng hình như nguyên thủy lại bắt nguồn từ tiếng Babylonian-Aramaic có nghĩa là

Vua của Aùnh Sáng.

Mani sinh ra tại Baghdad, khoảng thế kỷ thứ 3, dưới thời mà người Ba Tư làm chủ cả khu vực Mesopotamia, ngày nay là Iraq. Cha ông hình như là người Mandaean. Sau khi đi lang thang trong vài năm, sống đời khổ hạnh để suy tưởng về giáo lý, năm 242 (có chỗ chép rõ là ngày 20 tháng 3) ông được mặc khải và tự cho mình là một nhà tiên tri, lập nên một giáo phái mới. “Cũng như Phật Thích Ca đến Ấn Độ, Zoroaster[2] với Ba Tư, hay chúa Jesus đến miền Tây, thời kỳ này thiên sứ đến với ta, tức Mani, đến với vùng Babylonia”. Đó là lời tuyên bố của ông và tự cho mình là một tông đồ của Thượng đế. Ông lại đi lên Bactria ở miền tây bắc Ấn Độ, và nghiên cứu thêm về Phật giáo. Ông chịu ảnh hưởng sâu đậm của các tư tưởng Gnostic (một chi phái của Thiên Chúa giáo thời kỳ sơ khai, bị coi như tà giáo). Đến năm 241, ông quay về Ba Tư sau khi vua Shapur đệ Nhất lên ngôi, là người dung chứa các tôn giáo. Ông bắt đầu truyền giáo, dung hợp cả Gnosticism, Zoroastrianism, Christianity, Buddhism, Lão giáo và những tôn giáo địa phương tại Ba Tư. Trong suốt thời vua Shapur, ông được tự do truyền giáo và hoạt động trong khối giáo đồ của mình. Thế nhưng khi vua Bahram đệ nhất lên ngôi, người giáo đồ Bái hỏa coi Mani là thù nghịch. Mani bị cầm tù và bị đóng đinh, xác bị bêu tại cổng thành để răn đe những người theo ông. Những tín đồ của đạo Mani cũng bị tàn sát không thương tiếc. Theo sử sách ông chết khoảng 276-277 sau Công Nguyên. Tôn giáo của ông truyền sang tận Bắc Phi, Nam Âu châu và Trung Hoa.

Tư tưởng chính yếu của đạo Manichaeism là nhị nguyên đối đãi và mục tiêu của con người là làm sao giải thoát được bằng cách khai mở luồng ánh sáng vốn bị vật chất giam hãm. Có hai đẳng cấp trong giáo phái này, đẳng cấp tu sĩ là thành phần được “thiên khải”, và “giáo đồ” là đại số quần chúng phục vụ cho thành phần được Thượng Đế lựa chọn. Tu sĩ sống độc thân, khắc kỷ,

chỉ lo đi truyền giáo và học đạo. Những tu sĩ chắc chắn sẽ được giải thoát ngay khi chết vì họ đã được ân sủng của mình tôn. Giáo đồ có quyền lập gia đình nhưng phải chăm lo phục vụ các trưởng lão, và khi chết đi sẽ được tái sinh làm tu sĩ. Chính đạo này, dưới cái tên Ma ni giáo, Minh tôn giáo hay Minh giáo đã ảnh hưởng quan trọng trong sinh hoạt xã hội của Trung Hoa trong một thời gian khá dài, hơn hẳn những tôn giáo khác cũng xuất xứ từ Ba Tư.

Ma ni giáo truyền vào Trung Thổ khoảng năm 694 đời nhà Đường, mặc dù đạo này có một số ảnh hưởng đến Lão giáo từ trước đó. Năm 694 cuốn “Nhị Tông Kinh” (Erzongjing) bộ kinh chính yếu của họ được đem vào nước Tàu. Theo Minh Sử viết vào thế kỷ thứ 17, một mục sư vào truyền giáo dưới thời vua Cao Tông (650-83) nhưng nhiều học giả không đồng ý mà chỉ công nhận là năm 719 có một đại trưởng lão của họ từ Tokharistan đến mà thôi. Năm 732, trong một chỉ dụ của nhà Đường có nhắc tới họ đi truyền tả giáo mang danh nghĩa một tông phái của đạo Phật. Tuy nhiên vì đây là một tôn giáo của người Hồ nên triều đình không cấm chỉ miễn là họ giới hạn việc sinh hoạt trong những dân tộc thiểu số. Năm 745, người Hồi Hột (Uighur) kiến tạo một vương quốc rộng lớn, kéo dài từ sông Ili (Y lê) đến tận sông Hoàng Hà. Một trong những tiểu vương (khans) theo đạo Ma ni năm 762 và Ma ni giáo trở thành quốc giáo của Tân Cương. Tới lúc đó, một số lớn người Hồi (Uighurs) đã cải đạo theo đạo Ma Ni và sau khi họ giúp nhà Đường chống lại loạn An Lộc Sơn, một số đông người Hán cũng theo. Họ có thể đã xây cất nhiều đền đài từ trước nhưng sách vở chỉ chắc chắn là có một đền Ma ni – dưới tên Hán tự là Đại Vân Quang Minh (Dayun huangming) được thành lập tại Trường An năm 768. Khoảng năm 771, tại các vùng Kinh, Dương, Hồng (Nam xương), Việt (Thiệu Hưng) cũng có đền Ma ni và đầu thế kỷ thứ 9, tại Lạc Dương, Thái Nguyên đã có những đền thờ của họ được

xây cất. Như vậy xét về mặt địa lý, giáo phái này bành trướng từ miền Tây Trung Hoa lan sang tận miền đông, sát bờ biển. Nhà Đường tương đối khoan dung hơn người La Mã khi họ bách hại người Thiên Chúa giáo và người Ma ni giáo vào thế kỷ thứ tư sau Công Nguyên.

Đến năm 842-3, khi dân tộc Hồi suy yếu vì bị người Kirghiz đánh bại, triều đình lại bắt đầu một chính sách bài giáo, đặc biệt là những tôn giáo từ bên ngoài truyền vào Trung thổ nhất là Phật giáo. Ma ni giáo cũng bị cấm quét, đền đài bị phá hủy, của cải bị tịch thu, kinh sách bị đốt. Tại Trường An, hơn 70 nữ tu Ma ni bị giết. Từ đó họ phải lui vào bóng tối, hoạt động âm thầm và biến thành một đoàn thể bí mật. Họ chia ra thành nhiều chi phái, dưới nhiều tên khác nhau và cũng hoạt động trong những khu vực hay hình thái khác nhau. Chi lưu mạnh nhất có tên là Minh Giáo, tôn Trương Giác đời Đông Hán làm giáo tổ, còn thờ Ma Ni làm thần Quang Minh. Chính đây là tôn giáo mà Kim Dung đã huyền thoại hóa trong bộ Y Thiên Đồ Long ký thành Minh Giáo, một đoàn thể vừa mang màu sắc bang hội, vừa có thêm một số nghi lễ thần bí, đứng đầu phe hắc đạo.

Giáo nghĩa của họ chủ yếu là phân biệt hai đẳng thiện ác, sáng tối, dùng thuyết tam tế phân biệt ba cõi quá khứ, hiện tại, tương lai làm nền tảng, và tin tưởng rằng quang minh rốt ráo sẽ chiến thắng hôn ám. Giáo đồ Minh giáo mặc đồ trắng, sống giản dị, cần kiệm, ăn chay, không uống rượu, người chết thì để trần truồng đem bỏ ngoài sa mạc cho chim ăn, không thờ tổ tiên, thần, Phật mà chỉ lễ bái mặt trời, mặt trăng. Tổ chức trong giáo phái này rất nghiêm mật, trưởng lão của họ gọi là hành giả, giáo đồ chia thành thị giả, thánh giả, cô bà, trai tử... Họ truyền bá mạnh tại các vùng Hoài Nam, Mân, Triết, Cám (Giang Tây). Về sau họ hợp nhất với Di Lặc giáo, Bạch Liên giáo. Minh giáo phát triển mạnh khoảng thế kỷ thứ 11 sau Công Nguyên. Theo Al-Beruni, một sử gia Ả Rập thì “đa số người Hồi, người Trung Hoa

và Tây Tạng ở vùng Tây Vực, cả một số người Ấn Độ cũng theo đạo Mani”. Những kinh điển và tài liệu người ta tìm được ở Turfan gần đây phù hợp với những nhận định đó. Thời kỳ này Minh giáo đã bành trướng mạnh và trở thành một tôn giáo có thế lực.

Qua đời Ngũ Đại, Tống, Nguyên họ khởi nghĩa nhiều lần, đặc biệt là cuộc nổi dậy Mâu Ất thời kỳ cuối của nhà Lương, hay Phương Lạp đời Tống (1120-22). Cuộc khởi nghĩa quan trọng nhất mà họ tham gia có lẽ là cuộc nổi dậy chống lại người Mông Cổ vào thế kỷ thứ 14, lập nên triều đại nhà Minh, mặc dầu nhiều học giả không cho rằng nhà Minh có liên quan đến Minh giáo.

Hiện nay, đền thờ duy nhất của người Ma Ni còn sót lại trên thế giới ở tại Quan Châu (Phúc Kiến), vùng duyên hải Trung Hoa trong đó có khắc nổi tượng Ma Ni dưới danh hiệu Quang Minh Phật (Buddha of Light). Có lẽ vì tên Mani tương đồng với Thích Ca Mâu Ni nên nhiều người đã lầm lẫn giữa hai tên này. Tuy nhiên hình tượng khác hẳn hình tượng của Phật giáo. Trên đầu có một vòng hào quang, với hai chùm tóc chảy từ đầu xuống vai. Hình tượng mặc áo trắng và theo tự tích khắc ở đó thì ngôi đền này do một giáo đồ kiến lập năm 1340. Tài liệu ngày nay người ta kiếm được để nghiên cứu về đạo Mani được gọi là Turfan (Turpan), là những kinh điển mà các khảo cổ gia người Đức đào được ở Đôn Hoàng (Dunhuang) vào khoảng 1902-14. Trong số các tự tích tìm thấy có cả những đoạn mà từ lâu nay bị mất trong thánh kinh của họ, cả những văn chương viết bằng tiếng Pahlavi, Saghdian, Thổ Phồn và tiếng Hán. Một số tài liệu khác về đạo Ma ni thì kiếm thấy ở Ai Cập năm 1933 và trong những sách vở bài xích đạo Ma Ni do người đạo Thiên Chúa, Muslim hay Bái Hỏa viết.

Thi nhân Bạch Cư Dị đã từng viết một bức thư thay mặt vua nhà Đường trả lời cho vua nước Hồi khi họ xin triều đình Trung Hoa bảo vệ những người

theo đạo Mani. Julia Ching nhận định là vấn đề của đạo Mani là họ vay mượn từ các tôn giáo khác khiến cho đối với các dân tộc Cận Đông thì họ giống như Thiên Chúa hay Do Thái giáo, trong khi đối với các dân tộc Viễn Đông thì họ lại giống như Phật giáo. Chính Mani cũng coi Jesus là đáng tiên tri của người Do thái, Zoroaster là đáng tiên tri của người Ba Tư, còn Phật Thích Ca là đáng tiên tri của người Ấn Độ. Và khi ông tổng hợp được nhiều tôn giáo trong đạo của mình, ông ta tin rằng “Giáo hội của ta ưu việt hơn các giáo hội đã có từ trước, và những tôn giáo trước đây chỉ phổ biến tại một số quốc gia hay thành thị, còn Giáo hội của ta sẽ lan truyền đến khắp mọi thành phố, và lời giao rủa của ta sẽ đến khắp thế gian.” (Julia Ching, *Chinese Religions* tr. 174)

Một trong những đặc tính của các tôn giáo ở Trung Hoa là những tổ chức này không hoàn toàn mang tính chất tôn giáo mà luôn luôn pha thêm một số hình thức thể tục trên phương diện xã hội hay chính trị. Tôn giáo cũng không có một vị trí quyền lực cao cấp như tại Tây phương. Tuy có một số thời kỳ, nước Tàu có những Quốc Sư nhưng những vị cao tăng đó không thể nào sánh được với thế lực của những giáo hoàng hay giáo chủ ở Âu Châu hay Trung Đông. Minh giáo hình thành vào đời Đường là giai đoạn văn hóa tương đối khai phóng nên được chấp nhận dễ dàng cũng như Phật giáo nhưng đến triều Minh, Thanh, khi Nho giáo đã có một vị trí độc tôn, các tôn giáo có nguồn gốc từ bên ngoài không còn được coi trọng nữa. Chính vì thế, cũng như nhiều tôn giáo khác, Minh giáo dần dần tàn lụi.

Trên thực tế, Minh giáo là một tôn giáo rất khắc khe. Những tu sĩ của họ phải sống một đời sống khắc kỷ và giữ mình nghiêm ngặt. Theo kinh điển của giáo phái này, những người được Thượng đế lựa chọn (Primates Manichaeorum) có một đời sống khổ hạnh và phải luôn luôn di hành, không được ở yên một chỗ. Họ không được quyền có tài sản, không ăn thịt, uống

rượu, và trấn áp mọi dục tình. Họ cũng không có quyền có nghề nghiệp, buôn bán, hay học những ma thuật hoặc nghiên cứu tôn giáo ngoài chính tôn giáo của họ. Nhiệm vụ chính yếu của họ là giữ gìn và đóng kín ba cửa ải – miệng, tay và ngực (oris, manuum, sinus). Để giữ miệng, họ không được nói năng độc địa, không ăn uống các chất độc hại. Thịt gia súc sẽ khởi động ma vương trong cơ thể con người, vì thế họ chỉ được ăn rau cỏ và trái cây. Để giữ gìn cho bàn tay khỏi ô uế, họ không được sát sinh, bẻ cây hái trái. Để giữ gìn cho trái tim được trong sáng, họ không được nghĩ ngợi bậy bạ chẳng hạn như nghĩ những điều không trong sạch hay trái với giáo lý của đạo Mani. Họ cũng không được lập gia đình vì coi rằng sự truyền chủng là một hành động kéo dài sự tăm tối, và loài người sinh sản chính là vì bị Thượng đế trừng phạt. Chính vì khó khăn như thế nên số người được ở trong hàng giáo phẩm rất hiếm hoi.

Minh Giáo theo Kim Dung

Không biết rằng vô tình hay cố ý, Kim Dung đã cố tình pha trộn giữa Bái hỏa giáo và Ma ni giáo. Mặc dù hai tôn giáo này có những điểm chung, sử sách không nói rằng Ma ni giáo cũng coi lửa làm biểu tượng của quang minh như Bái hỏa giáo. Do đó Minh giáo qua Kim Dung là một tổ chức được tiêu thuyết hóa, ít tôn giáo mà nhiều tính chất bang hội. Chính vì thế chúng ta thấy Minh giáo được tổ chức chặt chẽ nhưng lại dựa trên những liên kết thế tục hơn là thần quyền. Từ một đoàn thể bí mật, Minh giáo đã nhanh chóng biến mình để thành một đảng cách mạng. Chúng ta có thể nói rằng Minh giáo của thời Mạt Nguyên có nhiều điểm tương đồng với Thiên địa hội đời Thanh sơ hay Thái Bình Thiên quốc đời Thanh mạt và hoàn toàn khác hẳn những tôn giáo sẵn có ở Trung Hoa, tiêu biểu là Phật giáo hay Lão giáo. Ngay từ sau chương giới thiệu câu chuyện, Kim Dung đã cho xuất hiện

nhiều nhân vật liên quan đến tà giáo nhưng không đề cập đến nguyên ủy ngọn ngành của họ. Một Ân Tố Tố nữ cải nam trang cố tình làm cho phái Thiếu Lâm tưởng Trương Thúy Sơn là thủ phạm vụ giết người ở Long Môn tiêu cực, một Tạ Tốn thần oai lẫm lẫm khi đến Vương Bàn Sơn đảo cướp thanh đao Đồ Long. Rồi những nhân vật hạng nhì như Thường Kim Bằng hay Bạch Qui Thọ cũng có võ công hơn người khi dương đao lập uy. Hết việc nọ tới việc kia, cho tới khi hai vợ chồng Trương Thúy Sơn – Ân Tố Tố tự sát, chúng ta vẫn chưa hiểu rõ tà phái được tổ chức như thế nào. Tấm màn bí mật đầu tiên được vén lên là khi Trương Tam Phong cứu Thường Ngô Xuân khi người này bị quân Mông Cổ truy kích trên sông Hán Thủy:

“... Đại hán đó ở tại sàn thuyền khấu đầu nói:

- Lão đạo gia cứu mạng cho tiểu nhân, Thường Ngô Xuân này xin rập đầu bái tạ.

Trương Tam Phong đưa tay đỡ dậy, nói:

- Thường anh hùng không cần phải dùng đại lễ.

Vừa nắm tay y, thấy bàn tay lạnh như băng, hơi kinh hoảng, vội hỏi:

- Phải chăng Thường anh hùng đã bị nội thương?

Thường Ngô Xuân nói:

- Tiểu nhân từ Tín Dương hộ tống tiểu chủ xuôi Nam, giữa đường bốn lần tiếp chiến với bọn ung trảo của Thát Đát đuôi theo, trên ngực và sau lưng bị một phiến tảng đánh trúng hai chưởng.

Trương Tam Phong cầm cổ tay, thấy mạch nhảy rất yếu, vội cởi áo y ra để xem vết thương, lại càng kinh hãi, thấy chỗ trúng chưởng sưng vù lên cả tắc, không phải là nhẹ, giá như người khác chắc không chịu nổi. Người này chạy trốn hàng ngàn dặm, lại còn phải chống trả cường địch, quả là anh hùng.

Thấy vậy ông liền khuyên y đừng nói năng nhiều, chỉ ở trong khoang tĩnh dưỡng.

Cô bé gái tuổi chừng lên mười, quần áo cũ kỹ, hai chân không mang giày dép, tuy con nhà thuyền chài nghèo khổ, nhưng mặt mày xinh xắn, thể nào sau này cũng thành một mỹ nhân, chỉ ngồi sụt sùi gạt nước mắt.

Trương Tam Phong thấy cô bé đáng thương, hỏi:

- Cô nương, tên cô là gì?

Cô gái đáp:

- Cháu họ Chu, tên là Chu Chỉ Nhược.

Trương Tam Phong nghĩ thầm: “Con nhà thuyền chài mà sao đặt tên thật hay” nên hỏi tiếp:

- Thế nhà cháu ở đâu? Trong nhà còn những ai? Để ta gọi đồ đưa cháu về.

Chu Chỉ Nhược gạt lệ đáp:

- Chỉ có hai cha con cháu sống với nhau trên thuyền thôi... chứ không có ai khác.

Trương Tam Phong ớ một tiếng, nghĩ thầm: “Cô gái này nhà tan người mất, lại bé bỏng quá, làm thế nào bây giờ đây?”

Thường Ngộ Xuân nói:

- Lão đạo gia võ công cao cường, từ xưa tới nay, tiểu nhân chưa thấy ai như thế bao giờ, xin vô phép hỏi pháp hiệu của ngài là gì?

Trương Tam Phong cười:

- Lão là Trương Tam Phong.

Thường Ngộ Xuân “A!” lên một tiếng, vội nhóm dậy, lớn tiếng:

- Hoá ra lão đạo gia là Trương Chân Nhân của núi Võ Đương, thảo nào thần công cái thế, Thường Ngộ Xuân hôm nay may mắn được gặp tiên trưởng.

Trương Tam Phong mỉm cười:

- Lão đạo bắt quá sống hơn vài năm, có gì là tiên với lại không tiên. Xin Thường anh hùng mau năm xuống, đừng làm động đến vết thương.

Ông thấy Thường Ngộ Xuân khẳng khái hào sảng, ăn nói ào ào, cảm thấy

mến y vô cùng, nhưng nghĩ đến y là người trong ma giáo, nên không muốn nói chuyện nhiều, liền nhạt nhẽo:

- Người bị thương không phải là nhẹ, chớ nên nói nhiều.

Trương Tam Phong tính tình khoáng đạt, đối với chính tà hai đường, vốn không quá thiên kiến. Trước đây ông đã từng nói với Trương Thúc Sơn:

- Hai chữ chính tà, thật khó phân biệt. Đệ tử trong chính phái mà có tâm thuật bất chính, thì cũng là tà đồ; còn trong tà phái có người nhất tâm hướng thiện, thì cũng là chính nhân quân tử.

Lại còn nói giáo chủ Thiên Ưng giáo là Ân Thiên Chính tuy tính tình nóng nảy, hành sự khác người, nhưng cũng là kẻ quang minh lỗi lạc, có thể kết làm bạn được. Thế nhưng từ khi Trương Thúc Sơn tự vẫn mà chết, ông thương đưa học trò yêu, đối với Thiên Ưng giáo hết sức căm giận, tự nhủ đệ tử thứ ba Du Đại Nham cả đời tàn phế, đệ tử thứ năm Trương Thúc Sơn thân tử danh liệt, cũng do Thiên Ưng giáo mà ra. Tuy nén lòng không đi kiếm Ân Thiên Chính hỏi tội phục thù, nhưng dù bụng dạ có rộng rãi đến đâu, hai chữ “tà ma” càng lúc càng thấy ghét bỏ.

Kẻ tên gọi Chu Tử Vượng kia (tức cấp trên của Thường Ngô Xuân) chính là đại đệ tử của Di Lạc Tông trong Minh giáo, năm trước khởi sự tại Viễn Châu đất Giang Tây, tự lập làm đế, lấy quốc hiệu là Chu, chẳng bao lâu bị quân Nguyên tiêu diệt, còn Chu Tử Vượng bị bắt chém đầu. Di Lạc Tông và Thiên Ưng giáo tuy không cùng một phái nhưng đều là chi lưu của Minh giáo, có liên hệ với nhau rất sâu xa. Khi Chu Tử Vượng khởi sự, Ân Thiên Chính có thanh viện tại Triết Giang. Trương Tam Phong hôm nay cứu Thường Ngô Xuân, chỉ vì nhất thời lòng hiệp nghĩa khích động, và lúc đầu cũng không biết y thuộc Minh giáo, nên không lấy gì hợp với bản nguyện. Canh hai đêm đó thuyền đến Thái Bình điểm. Trương Tam Phong bảo thuyền phu rời thị trấn đến một cái bến ở xa. Người lái dò lên chợ mua đồ

ăn, nấu cơm, bày trên thuyền nào thịt gà, thịt heo, cá, rau cả thấy đến bốn bát lớn. Trương Tam Phong bảo Thường Ngô Xuân và Chu Chỉ Nhược ăn trước, còn tự mình đút cho Trương Vô Kỵ ăn. Thường Ngô Xuân hỏi nguyên do, Trương Tam Phong nói là y bị hàn độc xâm nhập tạng phủ, đã điểm huyết đạo các nơi, tạm thời chưa nguy đến tính mệnh. Trương Vô Kỵ tủi thân, ghen ngào không nuốt nổi miếng cơm xuống họng. Trương Tam Phong lại gắng đút nữa, y lắc đầu, không chịu ăn.

Chu Chỉ Nhược đón lấy chén cơm trong tay Trương Tam Phong, nói:

- Đạo trưởng ăn trước đi, để cháu bón cơm cho vị tiểu tướng công này.

Trương Vô Kỵ nói:

- Ta no rồi, không muốn ăn nữa.

Chu Chỉ Nhược nói:

- Tiểu tướng công, nếu anh không ăn, lão đạo trưởng trong lòng không vui, ăn cơm không nổi, chẳng hóa ra cũng bị đói ư?

Trương Vô Kỵ nghĩ quả không sai, nên khi Chu Chỉ Nhược đưa cơm tới miệng vội há mồm ăn. Chu Chỉ Nhược gỡ hết xương cá, xương gà, mỗi miếng cơm lại rưới thêm tí nước thịt, Trương Vô Kỵ ăn thấy thật ngon miệng, hết cả một bát lớn.

Trương Tam Phong trong lòng thấy an ủi, nghĩ thầm: "Vô Kỵ số khổ, từ bé cha mẹ chết sớm, lại bị bệnh nặng. Nếu được người con gái có ý tứ thế này chăm sóc quả thật là hay".

Thường Ngô Xuân không đụng tới thịt cá, chỉ ăn sạch bát rau, tuy đang trọng thương, nhưng cũng ăn hết bốn bát cơm trắng. Trương Tam Phong không kiêng thịt, thấy y ăn uống thật hào sảng, nên khuyên y ăn tí thị gà.

Thường Ngô Xuân nói:

- Trương chân nhân, tiểu nhân thờ Bồ Tát nên không ăn mặn.

Trương Tam Phong "A" một tiếng:

- Ô lão đạo quên.

Lúc đó mới nhớ là người trong ma giáo qui củ rất nghiêm, không ăn mặn, từ đời Đường tới giờ, đều thế cả. Cuối thời Bắc Tống, đại thủ lĩnh của Minh giáo là Phương Lạp khởi sự tại Triết Đông, đương thời quan cũng như dân gọi họ là “đạo ăn chay thờ ma”. Ăn chay và phụng thờ ma vương là hai qui luật lớn của ma giáo, đã truyền từ mấy trăm năm nay. Đời nhà Tống, quan phủ chém giết ma giáo rất ngặt, người trong võ lâm cũng coi họ chẳng ra gì, vì thế giáo đồ hành sự cực kỳ ẩn bí, tuy ăn chay nhưng đối với người ngoài phải giả xưng là thờ Phật, bái Bồ Tát, không dám tiết lộ thân phận của mình. Thường Ngô Xuân nói:

- Trương chân nhân, ngài có ơn cứu mệnh đối với tôi, lại đã biết rõ lai lịch rồi, nên không dám dấu diếm. Tiểu nhân là người trong Minh giáo, phụng sự Minh tôn. Triều đình quan phủ đối với chúng tôi mười phần căm ghét, người hiệp nghĩa trong các danh môn chính phái cũng coi nhẹ chúng tôi, thậm chí đến bọn đốt nhà cướp của, giết người không góm tay trong hắc đạo cũng gọi chúng tôi là yêu ma quỷ quái. Lão nhân gia đã biết rõ lai lịch của chúng tôi mà vẫn ra tay tương cứu, cái ân đức đó, quả thực tôi không biết lấy gì báo đáp.

Trương Tam Phong cũng đã từng nghe qua về lai lịch của ma giáo, biết ma giáo phụng thờ đại ma vương tên là Ma Ni, người trong tôn giáo gọi là Minh Tôn. Tôn giáo này đến trung thổ từ đời Nguyên Hòa, Hiến Tông nhà Đường, khi đó gọi là Ma Ni giáo lại còn gọi là Đại Vân Quang Minh giáo, giáo đồ tự xưng Minh giáo nhưng người ngoài gọi họ là Ma giáo.” (Ỗ Thiên Đồ Long ký, tr. 415-8)

Thế nhưng Minh giáo cũng còn rất mơ hồ, chưa thấy những liên kết với nhau. Khi sáu đại môn phái – Thiếu Lâm, Võ Đang, Hoa Sơn, Không Động, Nga Mi, Côn Luân – tiến hành cuộc trường chinh vây đánh thẳng vào

trung khu của Minh giáo là Quang Minh Đỉnh , Diệt Tuyệt sư thái, chương môn phái Nga Mi mới tiết lộ qua về tổ chức của Minh giáo:

“Chỉ nghe Diệt Tuyệt sư thái quát lên: “Dập tắt yêu hỏa, diệt hết ma hỏa”.

Bà ta ngừng lại một lát nói tiếp:

- Ma giáo lấy hỏa làm thánh, tôn hỏa làm thần. Từ khi giáo chủ đời thứ ba mươi ba của Ma giáo là Dương Đỉnh Thiên chết đi, họ không có giáo chủ. Tả hữu Quang Minh sứ giả, bốn đại Hộ giáo Pháp vương, Ngũ Tán Nhân, lại thêm chương kỳ sứ Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, người nào cũng nhòm ngó chức vị giáo chủ, tranh đoạt tàn sát lẫn nhau, nên giữa đường ma giáo trở nên suy yếu. Lúc này lại là lúc sáu chính đại môn phái hưng vượng, âu cũng là cái số của yêu tà phải bị tiêu diệt. Nếu như ma giáo không có tranh chấp bên trong, muốn trừ đám yêu nghiệt này không phải là dễ.

Trương Vô Kỵ từ nhỏ đã nghe đến ma giáo, cũng biết mẹ chàng có liên quan xa gần đến ma giáo, nên mỗi khi hỏi gặng thêm, cha mẹ đều không vui, hỏi nghĩa phụ thì hoặc ông ta lặng thinh xuất thần, rồi bỗng dưng nổi giận, thành ra ma giáo thực sự là gì, thủy chung vẫn không biết rõ. Về sau chàng lại thấy thái sư phụ Trương Tam Phong đối với ma giáo ghét bỏ cùng cực, mỗi khi nhắc đến luôn luôn căn dặn, không bao giờ được kết giao với giáo đồ của họ. Thế nhưng khi Trương Vô Kỵ gặp những người như Hồ Thanh Ngu, Vương Nạn Cô, Thường Ngộ Xuân, Từ Đạt, Chu Nguyên Chương đều là người của ma giáo, nhưng đều khẳng khái trượng nghĩa, chưa hẳn đã chỉ là ác nhân, có điều hành sự nguy bí, người ngoài khó mà đo lường được. Tới lúc này khi nghe Diệt Tuyệt sư thái nói tới ma giáo, nên chàng cố hết sức tập trung để nghe cho kỹ.

Diệt Tuyệt sư thái nói tiếp:

- Các đời giáo chủ ma giáo đều lấy “Thánh Hỏa Lệnh” làm tín vật truyền từ đời nọ sang đời kia, thế nhưng đến tay đời giáo chủ thứ ba mươi một, trời

đoạt hồn phách làm sao, không hiểu thế nào đánh mất thánh hỏa lệnh, nên hai đời ba mươi hai và ba mươi ba có quyền mà không có lệnh, hai chức giáo chủ đó cũng hơi miễn cưỡng. Dương Đỉnh Thiên chết bất ngờ, chẳng biết do trúng độc hay do người nào ám toán, không kịp chỉ định người kế thừa. Trong ma giáo những đại ma đầu có bản sự không phải là ít, những người đủ tư cách để làm giáo chủ ít ra cũng năm, sáu người, ta không phục người, người chẳng phục ta, nội bộ hoá thành đại loạn. Cho đến lúc này, họ cũng chưa suy định được giáo chủ. Kể mà chúng ta gặp ngày hôm nay, cũng trong những người muốn làm giáo chủ. Y là một trong bốn hộ giáo pháp vương, Thanh Dực Bức Vương Vi Nhất Tiếu.

Đám đệ tử chưa ai nghe nói tới cái tên Thanh Dực Bức Vương Vi Nhất Tiếu, nên đều lặng yên không nói gì.

Diệt Tuyệt sư thái nói tiếp:

- Tên này từ trước chưa bước chân vào Trung Nguyên, hành sự của bọn ma giáo lại kín đáo, nên gã này tuy võ công cao cường mà không mấy ai biết đến tên tuổi. Thế nhưng Bạch Mi Ứng Vương Ân Thiên Chính, Kim Mao Sư Vương Tà Tôn hai tên đó hẳn các người đã nghe qua rồi?

Trương Vô Kỵ thấy rung động trong lòng, Châu Nhi cũng “A” lên một tiếng nhỏ. Ân Thiên Chính và Tà Tôn danh tiếng vang dội, trong võ lâm không ai không biết. Tĩnh Huyền hỏi:

- Sư phụ, hai người đó cũng ở trong ma giáo ư?

Diệt Tuyệt sư thái nói:

- Hừ, đâu phải chỉ “cũng ở trong ma giáo” mà thôi? “Ma Giáo Tứ Vương, Tử Bạch Kim Thanh”. Tử Sam Long Vương, Bạch Mi Ứng Vương, Kim Mao Sư Vương, Thanh Dực Bức Vương, đó là tứ vương trong ma giáo.

Thanh Dực đứng hàng cuối cùng, thân thủ như thế nào, hôm nay tất cả đều trông thấy rồi. Như thế Tử Sam, Bạch Mi, Kim Mao chỉ tượng tượng cũng

đủ biết ra sao. Kim Mao Sư Vương táng tâm phát điên, hai mươi năm trước hành động rồ dại, đột nhiên giết người vô tội, sau không biết đi đâu mất, thành một đại bí mật trong võ lâm. Ân Thiên Chính không có khả năng lên được chức giáo chủ ma giáo, bực tức bỏ ra sáng lập Thiên Ưng giáo, tự mình làm giáo chủ một phe cho hả dạ. Ta vẫn tưởng Thiên Ưng giáo đã quay lưng với ma giáo rồi, đối với Quang Minh Đỉnh thế thành nước lửa, nào ngờ khi Quang Minh Đỉnh gặp nguy nan, lại chạy đến cầu cứu Thiên Ưng giáo.”(Ỗ Thiên Đồ Long ký tr. 684-5)

Và sau cùng, Minh giáo được tường thuật do chính người của giáo phái này là Bồ Đại hòa thượng Thuyết Bất Đắc:

“Thuyết Bất Đắc nói:

- Tiểu huynh đệ, Minh giáo chúng tôi nguyên từ nước Ba Tư, truyền tới Trung Thổ từ đời Đường. Đường thời gọi là Tiên giáo. Vua nhà Đường cho xây chùa Đại Vân Quang Minh tại các nơi, chính là tự viện của Minh giáo. Giáo nghĩa của chúng tôi là làm điều thiện, trừ điều ác, mọi người đều bình đẳng, nếu như có vàng bạc tiền tài, thì đem cứu giúp người nghèo khổ, không được ăn thịt, uống rượu, chỉ thờ Minh Tôn. Minh Tôn tức là thần lửa, mà cũng là thiện thần. Chỉ hiềm là đời nào tham quan ô lại cũng áp bức chúng tôi, anh em trong Minh giáo không chịu nổi, thỉnh thoảng lại nổi lên chống lại. Từ đời Phương Lạp, Phương giáo chủ đời Bắc Tống đến giờ, không biết đã bao nhiêu lần.

Trương Vô Kỵ đã nghe qua tên tuổi của Phương Lạp, biết ông ta ở vào đời Tuyên Hòa, một trong Tứ Đại Khẩu, cùng với Tống Giang, Vương Khánh, Điền Hổ nổi danh, nên nói:

- Hóa ra Phương Lạp là giáo chủ của quý giáo?

Thuyết Bất Đắc nói:

- Chính thế. Đến đời Nam Tống thời Kiến Viêm, có giáo chủ Vương Tông

Thạch tại Tín Châu khởi sự, thời Thiệu Hưng có giáo chủ Dư Ngũ Bà tại Cù Châu khởi sự, đời Lý Tông, năm Thiệu Định có giáo chủ Trương Tam Thương tại một dải Giang Tây, Quảng Đông khởi sự. Chỉ vì bản giáo xưa nay luôn luôn chống lại triều đình, quan phủ nên triều đình gọi chúng tôi là “ma giáo”, càng căm đoán nghiêm nhặt hơn. Chúng tôi muốn sống còn, hành sự không khởi kín đáo, lạ lòng, để tránh tai mắt quan quân. Chính đại môn phái đối với chúng tôi tích oán thành thù hận, thế hia bên ghét nhau như nước với lửa. Đương nhiên, trong số giáo chúng của bản giáo, cũng đôi khi có những kẻ không tự kiềm chế, làm những trò không phải, ý mình có võ công, giết người vô tội cũng có, gian dâm cướp bóc cũng có, đem cái tiếng xấu của bản giáo đổ xuống sông xuống...”(Ỗ Thiên Đồ Long ký, tr. 757-8)

Tuy nhiên, một cách chính thức phải kể đến đoạn mà Kim Dung thác danh một cuốn sách của Dương Tiêu soạn ra để viết về lịch sử của Minh giáo:

“Hai người nói chuyện một lát, Trương Vô Kỵ thuận tay cầm một cuốn sách trên bàn của Dương Tiêu lên, thấy trên bìa có viết bảy chữ tựa đề “Minh Giáo Lưu Truyền Trung Thổ Ký”, bên dưới có một hàng chữ nhỏ “Đệ Tử Quang Minh Tả Sứ Dương Tiêu cung soạn”. Trương Vô Kỵ nói:

- Dương tả sứ, ông văn võ toàn tài, thật là rường cột của bản giáo.

Dương Tiêu chấp tay:

- Đa tạ giáo chủ khen ngợi.

Trương Vô Kỵ mở sách ra, thấy viết bằng chữ nhỏ theo lối khải, mọi việc đều dẫn chứng sách vở rõ ràng. Trong sách kể lại minh bạch, Minh giáo nguyên từ nước Ba Tư, tên thật là Ma Ni giáo, truyền vào Trung thổ từ Diên Tả nguyên niên, đời Đường Võ Hậu. Thời đó người Ba Tư tên là Phí Đa Diên mang bộ Tam Tông Kinh của Minh giáo đến triều, là lần đầu tiên người Trung Quốc biết đến bộ kinh này. Ngày 29 tháng 6 năm thứ ba đời Đại Lịch nhà Đường, chùa Minh giáo Đại Vân Quang Minh được xây cất tại

Lạc Dương, Trường An. Sau đó tại các thị trấn lớn như Thái Nguyên, Kinh Châu, Dương Châu, Hồng Châu, Việt Châu cũng đều có Đại Vân Quang Minh tự. Tới năm Hội Xương thứ ba, triều đình ra lệnh giết giáo đồ, thế lực Minh giáo đại suy. Từ đó về sau, Minh giáo trở thành một tôn giáo bí mật, phạm cấm, đời nào cũng bị quan phủ truy lùng giết chóc. Để có thể sinh tồn, người trong Minh giáo không thể không hành sự ngụy bí, để rồi chữ Ma trong Ma Ni bị đổi thành Ma, đồng nghĩa với tà ma, người ngoài gọi là ma giáo.[3]

Trương Vô Kỵ đọc đến đoạn này, không khỏi thở dài, nói:

- Dương tả sử, giáo chủ của bản giáo nguyên là làm điều thiện, trừ điều ác, cùng với đạo Phật chẳng khác bao nhiêu, vậy mà từ đời Đường đến giờ, đời nào sao cũng bị giết hại thảm họa?

Dương Tiêu nói:

- Người trong Thích đạo tuy nói phổ độ chúng sinh, nhưng tăng chúng xuất gia đều cố giữ thanh tu, không để ý đến chuyện đời. Đạo gia cũng thế. Còn bản giáo tụ tập lương dân, bất luận ai gặp nguy nan khốn khổ thì mọi giáo chúng đều ra tay giúp đỡ. Quan phủ áp bức dân lành, có đời nào ít đâu? Có vùng nào ít đâu? Nếu có người nào bị quan phủ ức hiếp, oan khuất, bản giáo liền đứng ra chống lại.

Trương Vô Kỵ gật đầu:

- Chỉ khi nào triều đình, quan lại không còn áp bức dân lành, thổ hào ác bá không còn hoành hành vô phép tắc, đến lúc ấy bản giáo mới có thể hưng vượng được.

Dương Tiêu vỗ bàn đứng dậy, lớn tiếng nói:

- Lời của giáo chủ quả thật nói lên được tôn chỉ gốc rễ của bản giáo.

Trương Vô Kỵ nói:

- Dương tả sử, ông xem có một ngày nào được như thế chẳng?

Dương Tiêu trầm ngâm một hồi lâu rồi nói:

- Cũng chỉ mong được một ngày như thế. Phương Lạp, Phương giáo chủ của bản giáo đời Tống khởi sự cũng chỉ vì muốn quan lại không áp bức dân lành mà thôi.

Y lật quyển sách chỉ vào đoạn chép về giáo chủ Minh giáo Phương Lạp tại Chiết Đông nổi lên, chấn động thiên hạ. Trương Vô Kỵ đọc xong trầm ngâm, gập sách lại nói:

- Đại trượng phu cố nhiên phải như thế. Tuy Phương giáo chủ tuần nạn, thân vong nhưng cũng làm nên một sự nghiệp thật là oanh liệt.

Hai người cùng một lòng, không nói mà nhiệt huyết nổi lên bùng bùng.

Dương Tiêu lại nói:

- Bản giáo đời nào cũng bị nghiêm cấm, thế nhưng thủy chung vẫn đứng được mà không sụp đổ. Năm Thiệu Hưng thứ tư đời Nam Tống có một viên quan tên là Vương Cư Chính gửi lên hoàng đế một đạo tấu chương, nói về việc của bản giáo, giáo chủ có thể xem qua.

Nói rồi lật cuốn sách đến đoạn sao lục tấu chương của Vương Cư Chính.

Trương Vô Kỵ đọc thấy trong đó viết như sau:

“Thần thấy hai huyện Chiết Châu có tục tục ăn rau phụng thờ ma vương.

Trước đời Phương Lạp, pháp cấm còn lỏng, mà việc tôn thờ ma quỷ chưa đến nổi mạnh. Phương Lạp chết rồi, pháp cấm càng nghiêm, nhưng việc thờ ma lại càng mạnh không trừ nổi.... Thần nghe nói rằng kẻ thờ ma mỗi làng mỗi xóm có một hai tên kiệt kiệt, gọi là ma đầu, xem hết các tên họ trong thôn, đều có thể thốt gia nhập ma đảng. Kẻ thờ ma không ăn thịt. Một nhà có chuyện gì, tất cả đồng đảng đều đến giúp đỡ. Vì chung chúng không ăn thịt nên giảm chi tiêu, mà giảm chi tiêu nên dễ đầy đủ. Cùng một đảng nên thân lẫn nhau, thân lẫn nhau nên có chuyện gì dễ giúp nhau...”

Trương Vô Kỵ đọc đến đây nói:

- Gã Vương Cư Chính này tuy là cừ địch nhưng quả biết rằng giáo chúng trong bản giáo sống tiết kiệm, giản phác, tương thân tương ái.

Chàng lại đọc tiếp đoạn sau của tấu chương:

“... vì thế thần cố theo đạo của tiên vương để làm cho dân tương thân, tương hữu, tương trợ. Cốt sống đạm bạc, dạy dân tiết kiệm, khuyến khích lối sống giản dị. Nay làm kẻ dẫn dắt nhân dân, nên không thể không lấy đó làm cách trị dân. Thế nhưng những ma đầu đã trộm cái cách của triều đình để khuyến dụ dân chúng rồi, nên người người đều ca tụng đạo ma, đi trợ giúp tà thuyết. Dân ngu không biết gì cả, nghe lời ma, thờ đạo ma, dễ đủ ăn, dễ trợ giúp, thành ra những gì ma đầu nói ra đều tin, tất cả đều theo về với chúng. Thành ra pháp cấm càng nghiêm, thì lại càng không thắng được những điều cấm.”

Chàng đọc đến đây, quay đầu nói với Dương Tiêu:

- Dương tả sứ, cái câu “pháp cấm đủ nghiêm, nhi dĩ bất khả thắng cấm” chính là rõ ràng nói lên việc bản giáo được lòng dân chúng.” (Ỗ Thiên Đồ Long ký tr. 1016-8)

Thế nhưng khi tìm hiểu về Minh giáo trong khung cảnh thực tế xã hội Trung Hoa, chúng ta thấy rằng Kim Dung đã không đơn thuần chỉ dựa vào tài liệu và sử sách. Minh giáo trong Ỗ Thiên Đồ Long ký là một kết hợp giữa một giáo phái với một bang hội, một tổ chức mà những giáo đồ không chỉ có chung một đức tin. Chính cái tinh thần tương thân tương trợ, một kỷ luật nội bộ, những qui tắc và thứ bậc đã tạo cho Minh giáo thành một tổ chức có thực lực chính trị vì họ đã huy động được một hậu thuẫn quần chúng. Minh giáo của Kim Dung dưới thời mạt Nguyên đó và Thiên địa hội trong thời Thanh sơ có nhiều điểm tương đồng, ít nhất trong vai trò chính trị của nó là một tổ chức đối kháng với triều đình. Cả hai đều có ý định khôi phục lại giang sơn đang bị người bên ngoài thống trị. Tuy nhiên, Kim Dung không chỉ biến giáo phái này thành một tổ chức ái quốc, ông còn muốn đặt Minh giáo như

một trong ba nguồn văn hóa chính yếu tạo nên cái gọi là văn minh Trung nguyên trong thời kỳ đó, đại diện cho một khuynh hướng võ thuật – võ công Tây vực, có xuất xứ từ Ba Tư với nền văn minh Trung Đông làm nền tảng. Văn minh Tây vực đó là một trong ba nền văn minh làm thành thể đỉnh túc cho Hán tộc bao gồm văn minh Trung nguyên, đại diện là quan niệm âm dương trong Dịch lý với Trương Tam Phong và phái Võ Đang, văn minh Thiên Trúc, với Phật học làm nền tảng mà chùa Thiếu Lâm là đại biểu. Trương Vô Kỵ được coi như một tập đại thành của ba nền văn minh khi chàng có căn bản là Cửu Dương Thần Công phát xuất từ một vị cao tăng của Thiếu Lâm, lại được học Càn Khôn Đại Na Di và võ công trong Thánh Hoả Lệnh của Minh Giáo, cũng như Thái Cực Quyền và Thái Cực Kiếm của Trương Tam Phong.

Kết luận

Tại Trung Hoa, tôn giáo không dựa trên tín niệm như tại Âu Châu, cũng như tổ chức thường rất rời rạc. Nhiều đoàn thể kết hợp bằng nhiều mẫu số, địa phương, sắc tộc, tương trợ, nghi thức tế lễ, giáo điều, ý thức hợp quần, và cả những mô thức sinh hoạt chung. Những bang hội, hiệp hội, môn phái, giáo phái ... được kết hợp không khác nhau bao nhiêu. Riêng Minh giáo, tổ chức này không còn thuần túy như đạo Mani nguyên thủy mà đã bị đồng hóa với những tôn giáo có sẵn để trở thành một tổ chức quần chúng, ít phần tôn giáo nhưng nhiều phần thế tục.

Hiện nay, giáo đồ của đạo Bái Hỏa chỉ còn chừng hai trăm nghìn, nhiều nhất là tại Ấn Độ (100,000) và Iran (60,000). Riêng ở Bắc Mỹ Châu có chừng 15,000 và hàng năm có những buổi lễ, nhất là vào khoảng tháng 8, 9 kỷ niệm ngày sinh của Zraathustra. Họ sống một đời sống trong sạch và hiền hòa, tôn trọng những giáo nghĩa cổ kính (không ngoan, lẽ phải, đạo đức, bác

ái, toàn thiện, bất tử và thiêng liêng), yêu thiên nhiên.[4]

Trong lịch sử, người ta đã thấy nhiều nhóm giáo phái biến hình thành một lực lượng nổi dậy, chẳng hạn như giặc Khăn Vàng thời Tam Quốc, Bạch Liên giáo đời Minh, Thiên Địa Hội đời Thanh. Có lẽ chính vì thế, những người cầm quyền tại Trung Hoa luôn luôn nhìn tôn giáo bằng một con mắt ít thiện cảm, nhất là những tôn giáo có khả năng điều động tín đồ thành một phong trào. Thiên Địa Hội đời sơ Thanh, Thái Bình Thiên Quốc thời Thanh Mạt, loạn Quyền Phỉ thời đầu thế kỷ, hay Thanh Bang thời Dân Quốc đều là những tổ chức bán chính trị, bán tôn giáo có ảnh hưởng rất mạnh đến vận mệnh của một triều đại. Có lẽ vì thế mà nhà cầm quyền Trung Hoa hiện nay cũng muốn “tiên hạ thủ vi cường” với những người trong nhóm Pháp Luân Công.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ching, Julia: Chinese Religions, Orbis Books, New York 1993
- Trung Quốc Văn Hóa Sử Đại Từ Điển (2nd. Ed), Dương Kim Đỉnh chủ biên, Viễn Lưu, Đài Bắc 1990
- Bishop, Peter và M. Darton: The Encyclopedia Of World Faiths, An Illustrated Survey Of The World's Living Religions, Facts On File Publications New York, 1988
- The Cambridge Encyclopedia of China, Brian Hook, Ed. Cambridge University Press, 2nd Ed. 1991
- Gernet Jacques: A History of Chinese Civilization (nguyên tác Le monde Chinois, J. R. Foster dịch sang Anh ngữ Cambridge University Press NY 1986)
- Encyclopedia Britanica 15th Edition 1982 Vol. 11 & 19
- Vương Gia Phượng, Lý Quang Chân, When West Meets East

(International Sinology and Sinologists) – Dương Tây Phương Ngô Kiến
Đông Phương, Sinorama Magazine, Taiwan 1991

- Mao Bội Kỳ, Lý Trạch Phụng, Tuế Nguyệt Hà Sơn, Trung Hoa Thư Cục,
Hongkong 1988

- Dư Tử Lưu, Nguồn Gốc Con Rồng – Long Địch Căn, Thương Vụ Ấn Thư
Quán , Hongkong 1985

[1] Kinh này gồm những bài hát trong đó dạy những điều luân lý. Người viết
nghĩ rằng những bài hát Tiểu Siêu hát trên Quang Minh Đỉnh và trên thuyền
trong Ý Thiên Đồ Long Ký có lẽ Kim Dung rút ra từ kinh này.

[2] Túc Zarathustra theo tiếng Hi Lạp

[3] Ma trong Ma Ni viết với chữ thủ, Ma trong ma giáo viết với chữ quĩ là
con ma.

[4] Gale Elaine: Zoroastrian Faith Celebrates New Year, Los Angeles
Times, B – 1,3 August, 26 2000

Nguồn: VietKiem

Được bạn: đưa lên

vào ngày: 7 tháng 4 năm 2004